

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18/02/2025
Về việc ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN- TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* **Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tứ Xuân

* **Các hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Phạm Lành
2. Ông Lê Đình Hiệp

* **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Phan Thị Ngọc Huyền -
Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên.

* **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên:** Bà
Hoàng Thị Lệ Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 18/02/2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 703/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2024/QĐXX- ST ngày 18/12/2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** **Chị Hà Thị T, sinh năm 1989.** Có mặt

HKTT: Xóm S, xã SC, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Nơi ở: Thôn K, xã DB, huyện LB, tỉnh Lạng Sơn

* **Bị đơn:** **Anh Phó Văn D, sinh năm 1987.** Có mặt

HKTT: Xóm S, xã SC, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Hiện đang cải tạo tại đội 15, phân trại K4, trại giam PS4, Bộ Công an

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, các bản khai và tại phiên tòa chị Hà Thị T trình bày: Chị và anh Phó Văn D kết hôn năm 2016 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại gia đình chồng cùng với bố mẹ chồng ở xóm S, xã SC, thành phố TN. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc và đã có hai con chung là Phó Kim N, sinh ngày 22/5/2017 và Phó Trà M, sinh ngày 11/5/2019. Đến năm 2019 thì vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do anh D không tu chí làm ăn, thường xuyên chơi bời, không chăm lo cho gia đình, không quan tâm đến vợ, con, khi cãi nhau có lời lẽ xúc phạm, thậm chí

đánh chị. Đến tháng 12/2022 anh D bị bắt về tội “đánh bạc” và phải đi chấp hành án tại trại giam PS4 trong thời hạn 05 năm thì tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Anh chị ly thân từ khi anh D đi cải tạo. Từ trước tới nay các con vẫn do chị chăm sóc mà không có sự quan tâm của anh D. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị T khai vợ chồng có 02 con chung là Phó Kim N, sinh ngày 22/5/2017 và Phó Trà M, sinh ngày 11/5/2019. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi hai con và không đề nghị anh D cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, công nợ chung: Công nợ chung không có, tài sản chung tự thỏa thuận không đề nghị giải quyết.

Bị đơn anh Phó Văn D tại bản tự khai đề ngày 05/12/2024, phiên hòa giải ngày 17/12/2024 và tại phiên tòa trình bày: Anh công nhận lời khai của chị T về thời gian kết hôn là đúng, quá trình chung sống của hai vợ chồng tại xã Sơn Cẩm là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là khi còn chung sống do anh mãi chơi nên không quan tâm đến vợ con. Sau đó anh bị bắt về tội “đánh bạc” và “gá bạc” và phải đi cải tạo thì anh lại càng không có điều kiện quan tâm chăm sóc đến vợ con. Do anh không ở nhà, một mình chị T phải gách vác lo toan, áp lực cuộc sống nên vợ anh mới làm đơn ly hôn. Anh D cho rằng anh vẫn còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung, anh D khai vợ chồng có hai con chung là Phó Kim N, sinh ngày 22/5/2017 và Phó Trà M, sinh ngày 11/5/2019. Trong bản tự khai ngày 05/12/2024, anh D đề nghị nếu vợ chồng anh ly hôn anh giao hai con chung của anh chị cho anh trai anh là Phó Văn Minh và chị gái anh là Phó Thị Bình chăm sóc cho đến khi anh chấp hành xong án phạt tù. Tại phiên hòa giải ngày 17/12/2024 và phiên tòa hôm nay anh không có ý kiến về vấn đề con chung vì không đồng ý ly hôn.

Về công nợ chung, tài sản chung: không có, không đề nghị giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của các đương sự, đồng thời tiến hành hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, vụ án phải được đưa ra xét xử ngày hôm nay.

Trong phần tranh tụng, chị T giữ nguyên quan điểm khởi kiện là đề nghị được ly hôn với anh D. Về con chung: Chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng hai con chung là Phó Kim N và Phó Trà M và không đề nghị anh D cấp dưỡng nuôi con. Công nợ chung không có, tài sản chung tự thỏa thuận không đề nghị giải quyết. Anh D không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T, không có ý kiến về con chung, xác định không có tài sản chung, công nợ chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền của mình theo Điều 48 BLTTDS; Tuân thủ quy định về trình tự, tố tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền

và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS. Việc bị đơn đề nghị thay đổi Thẩm phán không có căn cứ để chấp nhận.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Phó Văn D. Về con chung: giao hai con chung là Phó Kim N, sinh ngày 22/5/2017 và Phó Trà M, sinh ngày 11/5/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng do chị T không yêu cầu. Công nợ chung không có, tài sản chung tự thỏa thuận không đề nghị giải quyết. Buộc chị T nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về tố tụng*: Nguyên đơn, bị đơn đều đang cư trú tại thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28; Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên là đúng quy định. Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án đều đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn đề nghị thay đổi Thẩm phán với lý do Thẩm phán không tạo điều kiện về thời gian cho vợ chồng anh hòa giải, trong phiên hòa giải ngày 17/12/2024 anh chỉ có 2-5 phút hòa giải nên chị T mới giữ nguyên quan điểm ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 17/12/2024 tại phân trại K4, trại giam PS4 được thực hiện theo đúng quy định của BLTTDS với sự chứng kiến và xác nhận của đại diện trại giam, thời gian làm việc từ 09 giờ đến 10 giờ 20 phút, ngoài lý do trên anh D không đưa ra được căn cứ nào để thay đổi Thẩm phán theo quy định tại Điều 53 BLTTDS. Trên cơ sở ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu thay đổi Thẩm phán của bị đơn.

2. *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị T và anh Phó Văn D là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019, theo chị T nguyên nhân do anh D không tu chí làm ăn, mãi mê cờ bạc, không quan tâm đến vợ con, thậm chí có lúc đánh đập chị, mặc dù đã được chị và gia đình hai bên nhiều lần khuyên bảo nhưng anh D vẫn không thay đổi. Tại phiên tòa anh D cũng thừa nhận trong lúc nóng giận đã đánh vợ, do mãi chơi bời nên không thường xuyên quan tâm được đến vợ con nhất là khi anh bị bắt về tội “đánh bạc” và “gá bạc”, phải đi chấp hành án tại trại giam PS4. Tại phiên tòa, chị T xác định anh chị đã ly thân từ tháng 12/ 2022, khi anh D đi cải tạo, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng nên đề nghị được ly hôn. Anh D không đồng ý ly hôn, hứa hẹn khi chấp hành xong án sẽ thay đổi bản thân, quan tâm chăm lo cho vợ con nhưng chị T vẫn giữ nguyên quan điểm không đồng ý đoàn tụ mặc dù đã được Hội đồng xét xử tạo điều kiện hòa giải. Như vậy, có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh D đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T đề nghị ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

3. *Về con chung*: Chị Hà Thị T và anh Phó Văn D có hai con chung là cháu Phó Kim N, sinh ngày 22/5/2017 và cháu Phó Trà M, sinh ngày 11/5/2019. Hội đồng xét xử thấy, chị T có nguyện vọng nuôi con chung là cháu Ngân và Trà M và không đề nghị anh D cấp dưỡng. Tại phiên tòa chị T khai từ khi anh D đi cải tạo đến nay hai con vẫn do chị nuôi dưỡng, chị đang làm Spa dưỡng sinh ở gần nhà bố mẹ đẻ và nhiều công việc khác, thu nhập hàng tháng của chị là từ 13 đến 17 triệu đồng, thời gian làm việc theo ca buổi sáng, chị hiện đang sống cùng bố mẹ đẻ và đã được bố mẹ đẻ cho đất làm nhà nên chỉ đủ điều kiện để chăm lo cho các con. Cháu Ngân trong bản trình bày nguyện vọng ngày 16/12/2024 mong muốn được ở với mẹ. Hội đồng xét xử nhận thấy, do hiện nay, anh D đang đi cải tạo không có điều kiện để chăm sóc con chung nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, giao cháu Ngân và Trà M cho chị T trực nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con Tòa án không giải quyết do chị T không yêu cầu. Đối với ý kiến của anh D trong bản tự khai đề nghị giao hai con chung cho chị gái và anh trai anh nuôi là không có căn cứ chấp nhận vì bố mẹ đẻ mới là người giám hộ trực tiếp cho con.

4. *Về tài sản chung, công nợ chung*: Công nợ chung không có, tài sản chung tự thỏa thuận không đề nghị giải quyết.

5. *Về án phí*: Chị T phải nộp án dân sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ chấp nhận. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 147 BLTTDS năm 2015. Áp dụng Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí năm 2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị T. Cho chị Hà Thị T được ly hôn với anh Phó Văn D.

2. **Về con chung**: Giao hai con chung là Phó Kim N, sinh ngày 22/5/2017 và Phó Trà M, sinh ngày 11/5/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi hai con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh D được quyền đi lại thăm nom con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con Tòa án không giải quyết do chị T không yêu cầu.

3. **Về tài sản chung, công nợ chung**: Công nợ chung không có, tài sản chung tự thỏa thuận không đề nghị giải quyết.

4. Án phí: Chị Hà Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0003499 ngày 25/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên ;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- UBND nơi ND, BD cư trú;
- Các DS;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tứ Xuân